TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ - PT
Ngày 07/5/2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Hà Huy Hùng

Bà Lê Thị Dung

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Ngọc Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Bích Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2018/TLPT-HNGĐ ngày 12/4/2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/HNGĐ - ST ngày 06/3/2018 của Toà án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T - Sinh năm 1988

Đăng ký HKTT: Số nhà 01/150 phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh Thanh Hoá
Hiện cư trú tại: P1105-CT7G, phường C, quận D, thành phố E. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu N - Sinh năm 1988.

Cư trú tại: Số nhà 01/150 phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Hữu N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 01/12/2017, và các tài liệu trong hồ sơ nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Hữu N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/11/2014 tại Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến tháng 11/2017 thì mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh N.

** Anh Nguyễn Hữu N trình bày:*

Thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý.

** Về con chung:* Chị T và anh N đều thống nhất có một con chung cháu Nguyễn An K, sinh ngày 20/4/2015. Chị T yêu cầu nuôi con, anh N phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Anh N có nguyện vọng nuôi con, nếu Toà án giải quyết cho chị T nuôi con thì anh không cấp dưỡng nuôi con.

** Về tài sản, công nợ:* Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 18/2018/HNGĐ-ST ngày 06/3/2018 của Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá đã quyết định: Áp dụng: Các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 6; điểm a khoản 5; điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Hữu N.

Về con: Giao cháu Nguyễn An K, sinh ngày 20/4/2015 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2018 đến khi cháu Nguyễn An K thành niên, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Ngoài ra Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo

Ngày 15/3/2018, anh Nguyễn Hữu N kháng cáo, với nội dung: Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giao cháu Nguyễn An K cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, vì chị T không có nơi ở, không có việc làm ổn định, và đến ngày 20/4/2018 cháu K đã đủ 36 tháng tuổi.

Tại phiên toà phúc thẩm: Anh Nguyễn Hữu N đề nghị được trực tiếp nuoi con, vì chị T bỏ con từ khi cháu K còn nhỏ, và chị T không có nơi ở và công ăn việc làm ổn định. Nếu Toà án giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng thì anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Hữu N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đương sự, và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Hữu N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 21/11/2014 tại Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố B, là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 đến nay, anh N và chị T thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên thống nhất ly hôn.

[1] Trong quá trình chung sống, chị T và anh N có một con chung, cháu Nguyễn An K, sinh ngày 20/4/2015. Chị T và anh N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Nguyện vọng nuôi con của chị T và anh N là chính đáng. Toà án cấp sơ thẩm đã giao cháu Nguyễn An K cho chị T nuôi dưỡng và buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N kháng cáo cho rằng hiện nay chị T không có nơi ở, không có việc làm ổn định. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm, chị T xuất trình hợp đồng lao động, theo đó hiện nay chị đang làm việc tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây lắp Điện lực Hà Nội, với mức lương 8.000.000đ/tháng, và hiện nay đang cư trú tại P.1105-CT7G, phường C, quận D, thành phố E. Còn việc chị T bỏ nhà anh N, và để con cho anh N nuôi dưỡng, theo các tài liệu thu thập trong giai đoạn sơ thẩm là do mâu thuẫn vợ chồng, và do sự can thiệp của bố mẹ anh N làm cho chị T không thực hiện việc thăm nom đối với cháu K trong quá trình vợ chồng sống ly thân. Sau đó chị T đi làm tại Hà Nội để có thu nhập. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Nguyễn An K đang còn nhỏ, thời điểm xét xử sơ thẩm chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện nay cháu K cũng mới 36 tháng 17 ngày tuổi. Ở độ tuổi này, rất cần sự chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ, hơn nữa, để đảm bảo cho cháu K phát triển tốt nhất về thể chất, Toà án cấp sơ thẩm buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng là phù hợp pháp luật, cũng như thu nhập của anh N, anh N đề nghị nếu chị T nuôi con thì anh không cấp dưỡng nuôi con là không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh N kháng cáo cho rằng chị T không có nơi ở, không có công việc làm ổn định, và hiện nay cháu K đã trên 36 tháng tuổi nên giao cháu K cho anh trực tiếp nuôi dưỡng không có căn cứ nên không được chấp nhận, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá là có căn cứ.

[2] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh Nguyễn Hữu N không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điểm 2.1 Mục 2 Phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Hữu N và giữ nguyên bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST ngày 06/3/2018 của Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá.

- Giao cháu Nguyễn An K, sinh ngày 20/4/2015 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hữu N phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2018 đến khi cháu Nguyễn An K đủ 18 tuổi. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Hữu N phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/4902 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B (anh N đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND Tp B;
- Chi cục THADS Tp B;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Hùng